

TÁC ĐỘNG CỦA TRẬN ẤP BẮC VỚI CHÍNH SÁCH CỦA MỸ TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM

LÊ TÙNG LÂM*

Ngày 2-1-1963, quân dân miền Nam đã đánh bại cuộc tấn công với quy mô lớn, đầy đủ binh chủng của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn tại Ấp Bắc (Mỹ Tho, Tiền Giang). Sự kiện này đã mở ra bước ngoặt quan trọng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân miền Nam và tác động mạnh mẽ đến chính sách của Mỹ tại Việt Nam. Vậy âm mưu của Mỹ trong cuộc tấn công Ấp Bắc là gì? Sự thất bại tại Ấp Bắc đã tác động như thế nào đến chính sách của Mỹ tại Việt Nam? Đó là những nội dung được luận giải trong bài nghiên cứu.

1. Chính sách của Mỹ với Việt Nam thời Tổng thống Kennedy

Ngày 20-01-1961, John Fitzgerald Kennedy chính thức trở thành Tổng thống Mỹ và có những điều chỉnh quan trọng trong chính sách đối với cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ tại Việt Nam. Tổng thống Kennedy coi Việt Nam là trận tuyến quan trọng chống cộng sản ở Đông Nam Á. Nếu Mỹ để miền Nam Việt Nam đổ thì những “con bài Domino” tiếp theo là Lào, Campuchia, Miến Điện, xuống nữa là, các nước tiểu lục địa (Ấn Độ, Pakistan...) cũng sẽ đổ luôn. Philippines sẽ mất, có lẽ cả Australia và New Zealand nữa (1). Việt Nam là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu trong việc hoạch định chính

sách đối ngoại của Tổng thống Kennedy đối với Đông Nam Á. Chiến lược “Trả đũa ô ạt” của Tổng thống Eisenhower được thay thế bằng chiến lược “Phản ứng linh hoạt” (*Flexible Reponse*) do Maxwell Taylor đề xướng gồm ba loại hình chiến tranh: chiến tranh Đặc biệt, chiến tranh Cục bộ, chiến tranh Tổng lực. Theo đó, Mỹ sẽ tiếp tục duy trì và phát triển lực lượng “dùng vũ khí hạt nhân làm “lá chắn” che đỡ, dùng vũ khí thông thường làm lưỡi kiếm tiến công vào phong trào giải phóng dân tộc” (2) ở các nước. Mỹ tiến hành “chiến tranh hạn chế” với ba hình thức nhằm tránh đối đầu quân sự trực tiếp với các nước phe xã hội chủ nghĩa đang ngày càng lớn mạnh. Việt Nam trở thành nơi lý tưởng để thử nghiệm chiến lược mới này. Mỹ ra sức viện trợ kinh tế lẫn quân sự cho chính quyền Sài Gòn để thực hiện nhiệm vụ chống lại “làn sóng Đỏ” đang lan rộng ở châu Á.

Về mặt quân sự, Bộ chỉ huy Viện trợ quân sự Mỹ tại miền Nam (MACV) được thành lập (8-2-1962) đã ra sức đưa lực lượng không quân, hậu cần của Mỹ vào miền Nam Việt Nam ngày càng nhiều. Đến tháng 10-1963, lực lượng quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam tăng lên 16.732 người (3). Từ 1955-1963, viện trợ quân sự của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn là 1.084,8 triệu USD

*TS. Trường Đại học Sài Gòn

(chiếm 36,4% tổng nguồn viện trợ của Mỹ) (4). Với nguồn viện trợ to lớn của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã ra sức xây dựng một đội quân hùng hậu để đàn áp, khủng bố dân lành. Mỹ hi vọng sẽ giúp cho Ngô Đình Diệm giành được thắng lợi trên chiến trường. Tổng thống Kennedy tán thành đề nghị của Sứ quán Mỹ trong kế hoạch chống nổi dậy, giúp Việt Nam Cộng hòa (VNCH) tăng quân số từ 15 lên 17 vạn quân, giúp cải thiện chất lượng dân vệ ở nông thôn (5). Đồng thời, Mỹ cũng tăng cường viện trợ quân đội và lực lượng cảnh sát cho chính quyền Sài Gòn, tăng số lượng cố vấn quân sự Mỹ, các đơn vị hậu cần, số lượng các phi công Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Ngày 29-4-1961, Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ đã phê duyệt "Kế hoạch chống nổi dậy" và cử nhiều phái đoàn nghiên cứu của Mỹ đến miền Nam Việt Nam như Phái đoàn của Phó Tổng thống Johnson (5-1961), Phái đoàn của Staley (6-1961), Phái đoàn của Taylor và Walt Rostow (10-1961)... Sau đó, kế hoạch Staley - Taylor ra đời.

Ngày 11-5-1961, Tổng thống Kennedy đã thông qua Bì vong lục Hành động An ninh Quốc gia số 52 (*National Security Action Memoranda* - NSAM 52), cho phép "tăng cường và mở rộng quyền điều hành tác chiến, chỉ huy yểm hộ của Phái đoàn cố vấn quân sự (MAAG); đưa lực lượng đặc biệt của Mỹ vào Việt Nam, giúp Ngô Đình Diệm xây dựng lực lượng đặc biệt, chốt chặn biên giới, chống miền Bắc thâm nhập; tăng cường mở rộng, cải tiến trang bị và huấn luyện quân đội" (6).

Về mặt chính trị, Mỹ giúp Ngô Đình Diệm thực hiện chiến lược bình định, dồn dân lập ấp chiến lược. Ngày 3-2-1962, Tổng thống Ngô Đình Diệm ký Sắc luật 11/TTP, thiết lập Ủy ban Trung ương Đặc trách ấp chiến lược do Cố vấn Ngô Đình Nhu giữ chức Chủ tịch, Bộ trưởng Nội vụ

Bùi Văn Lương giữ chức Tổng thư ký, ủy viên gồm các Bộ Quốc phòng, Nội vụ, Giáo dục, Công dân vụ, Canh nông... và nhiều cán bộ cao cấp quân dân chính. Ngô Đình Diệm dự định lập 16.000/17.000 ấp chiến lược trên toàn miền Nam. Chính quyền Sài Gòn xem việc thành lập ấp chiến lược là một quốc sách hàng đầu để chống lại lực lượng Quân giải phóng miền Nam (QGPMN). Từ 1955-1963, viện trợ kinh tế của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn là 1.896,7 triệu USD (chiếm 63,6%) (7). Dưới sự giúp sức của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã thực hiện chương trình Cải cách ruộng đất trên toàn miền Nam. Tuy nhiên, chương trình Cải cách ruộng đất chỉ mang tính chất mị dân vì "đã không phân chia lại ruộng đất cho người nghèo mà chỉ lấy lại những thứ mà Việt Minh đã chia cho họ rồi trả về cho địa chủ. Năm 1960, 75% đất đai vẫn nằm trong tay 15% dân số" (8).

Như vậy, đối với Tổng thống Kennedy, giải pháp quan trọng để tìm một chiến thắng tại miền Nam Việt Nam là xây dựng chính quyền Sài Gòn vững mạnh để có thể đảm nhận trách nhiệm chống lại lực lượng kháng chiến tại đây. Mỹ muốn thông qua nguồn viện trợ và cố vấn quân sự để giải quyết vấn đề Việt Nam. Ngày 19-6-1961, Tổng thống Kennedy khẳng định rằng "Nam Việt Nam sẽ trở thành sự thử nghiệm quyết tâm giữ vững cam kết của Mỹ trong một thế giới đầy đe dọa và khả năng đương đầu với những thách thức mới mà chiến tranh du kích đặt ra trong các quốc gia mới nổi" (9). Tuy nhiên, chiến thắng của quân dân miền Nam tại Ấp Bắc (Mỹ Tho) tháng 1-1963 đã buộc chính quyền Mỹ dưới thời Tổng thống Kennedy và Tổng thống Lyndon B. Johnson phải có những điều chỉnh chính sách trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

2. Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ sau trận Ấp Bắc (tháng 1-1963)

Ngày 2-1-1963, quân đội Sài Gòn được sự hỗ trợ và chỉ huy của cố vấn Mỹ đã tiến công đơn vị chủ lực của Quân giải phóng tại Ấp Bắc (xã Tân Phú Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho). Đối với các cố vấn Mỹ, đây là “cơ hội tuyệt vời để (quân đội Sài Gòn - ND) hạ gục một đơn vị Việt cộng và tiêu diệt nó bằng cách sử dụng tất cả các ưu điểm về tính cơ động, hỏa lực và thiết giáp” (10). Quân đội Sài Gòn gồm: 3 tiểu đoàn bộ binh của Sư đoàn 7 thuộc vùng IV chiến thuật, 1 tiểu đoàn dù, 1 Chiến đoàn bảo an tỉnh Định Tường, một số đại đội biệt kích, dân vệ và 51 cố vấn Mỹ. Hỗ trợ cho trận càn này là 3 tàu chiến, 1 chi đoàn thiết giáp M.113, 15 trực thăng và 7 máy bay vận tải C.123, 5 trực thăng vũ trang HU - Iroquois, 8 máy bay ném bom, 4 chiếc L.19 (11) do Bùi Đình Đạm - Tư lệnh Sư đoàn 7 chỉ huy nhằm tạo nên sức mạnh áp đảo, tiêu diệt một bộ phận chủ lực của lực lượng QGPMN đang trú tại Ấp Bắc (Mỹ Tho). Đây là cuộc tấn công quy mô của chính quyền Sài Gòn với đầy đủ các lực lượng hiện có và do cố vấn Mỹ trực tiếp chỉ huy.

Tuy nhiên, với quyết tâm kiên quyết đánh bại cuộc càn quét của Mỹ và chính quyền Sài Gòn và dựa vào thế trận đã được chuẩn bị sẵn, lực lượng vũ trang Quân giải phóng miền Nam với số lượng ít hơn nhiều lần đã bẻ gãy 5 đợt tấn công của quân đội Sài Gòn, tiêu diệt 450 lính (trong đó có 11 cố vấn và nhân viên kỹ thuật Mỹ), bắn rơi 5 máy bay trực thăng, phá hủy 3 xe tăng thiết giáp M113, đánh chìm 1 tàu chiến trên sông (12). Thắng lợi này không chỉ có ý nghĩa chiến thuật mà còn có ý nghĩa quan trọng về chiến lược. Nó mở đầu khủng hoảng về chiến thuật của Mỹ, báo hiệu sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và tác động mạnh mẽ đến chính sách của Mỹ.

Trước hết, chiến thắng Ấp Bắc đã buộc Mỹ phải điều chỉnh các chiến lược quân sự tại miền Nam Việt Nam từ chiến tranh Đặc biệt sang chiến tranh Đặc biệt tăng cường và chiến tranh Cục bộ. Chiến thắng Ấp Bắc đã chứng minh khả năng không thể thắng bằng quân sự của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Với lực lượng gấp 5 lần lực lượng QGPMN và du kích, Mỹ và chính quyền Sài Gòn muốn chứng minh sự lớn mạnh của quân đội Sài Gòn cùng sức mạnh kỹ thuật, vũ khí chiến tranh hiện đại của Mỹ. Thế nhưng, kết thúc 5 đợt tấn công, “Việt Cộng đã đứng vững trước hỏa lực khổng lồ từ súng máy và rốc-kết do trực thăng bắn xuống, pháo binh, không quân chiến thuật và súng máy hạng nặng của các thiết giáp chở quân; (QGPMN-ND) đã lạnh lùng chiến đấu trong trận chiến theo cách riêng của họ; và chủ động phá vỡ các liên lạc của quân đội Sài Gòn. Từ đầu đến cuối, đó là một chiến thắng của Cộng sản” (13) và “Việt Cộng đã chứng minh rằng quân du kích của họ có thể chống lại công nghệ quân sự vượt trội của Mỹ. Các sĩ quan Nam Việt Nam do Mỹ huấn luyện liên tục không thể chủ động và phản công lại những phần tử nổi dậy (chỉ QGPMN - ND) kém về số lượng” (14). Rõ ràng, người Mỹ đã nhận thấy khả năng không thể thắng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Sau thất bại tại Ấp Bắc, một số tướng lĩnh Mỹ như tướng Maxwell Taylor và cố vấn Walt Rostow đề nghị Tổng thống Kennedy tăng quân để cứu nguy cho chính quyền Sài Gòn. Thế nhưng, Tổng thống Kennedy từng nói rằng “họ (Taylor và Rostow) muốn có một lực lượng lính Mỹ vì đây là điều cần thiết để phục hồi niềm tin và giữ vững tinh thần cho Nam Việt Nam. Nhưng rồi cũng sẽ giống như Berlin, khi đoàn quân tiến vào, nhạc nổi lên, đám đông hò reo, nhưng bốn ngày sau đó mọi người

sẽ quên sạch. Khi đó, chúng ta sẽ nhận được yêu cầu gửi thêm quân” (15). Rõ ràng, Tổng thống Kennedy đã phần nào nhận thấy được thảm cảnh không lối thoát trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Đem quân tham chiến trực tiếp là một hành động nguy hiểm vì không thể nào giành thắng lợi mà ngược lại, số quân Mỹ cũng sẽ không ngừng tăng lên theo yêu cầu của tình hình tại miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, Tổng thống Kennedy cũng không hoàn toàn bác bỏ khả năng sẽ gửi quân Mỹ sang Việt Nam để cứu nguy cho chính quyền Sài Gòn. Trên thực tế, Tổng thống Kennedy đã tăng lực lượng quân nhân Mỹ ở miền Nam Việt Nam lên đến 16.732 quân vào tháng 10-1963.

Trong Phiên họp thứ 519 của Hội đồng An ninh Quốc gia ngày 2-10-1963, Tổng thống Kennedy cho rằng “Chương trình huấn luyện người Việt Nam của Mỹ lẽ ra phải tiến triển đến mức có thể rút 1.000 nhân viên quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam” về nước vào cuối năm 1963 (16). Tuy nhiên, trong bối cảnh diễn biến phức tạp ở miền Nam Việt Nam, ngày 5-10-1963, Tổng thống Kennedy chấp thuận Bị vong lục Hành động An ninh Quốc gia số 263 (NSAM 263). Theo đó, Tổng thống Kennedy chỉ đạo “không đưa ra thông báo chính thức nào về việc thực hiện kế hoạch rút 1.000 nhân viên quân sự Mỹ vào cuối năm 1963” và “Mục tiêu chính của Mỹ tại miền Nam Việt Nam vẫn là hỗ trợ nhân dân và Chính phủ của quốc gia đó giành chiến thắng trước âm mưu của Cộng sản được chỉ đạo và hỗ trợ từ bên ngoài” (17). Tuy nhiên, NSAM 263 không bao giờ được thực hiện vì ngày 1-11-1963, Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ và sau đó bị ám sát. Đúng ba tuần sau, ngày 22-11-1963, Tổng thống Kennedy cũng bị ám sát tại Dallas, bang Texas. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ

còn đang dang dở và trách nhiệm thi hành được trao lại cho Tổng thống L.B.Johnson.

Sau khi Tổng thống Kennedy bị ám sát, L.B.Johnson lên thay và bắt tay vào điều chỉnh chiến lược quân sự ở miền Nam. Đối với Johnson “Việt Nam đứng đầu trong chương trình nghị sự, trước cả khi các nguyên thủ nhà nước đến viếng đám tang [Kennedy] về tới nhà” (18). Ngày 24-11-1963, Tổng thống Johnson đã triệu tập cuộc họp với các cố vấn để bàn về vấn đề Việt Nam. Sau khi nghe bản đánh giá bi quan về tương lai của chính phủ Nam Việt Nam sau đảo chính, Tổng thống Johnson có cảm tưởng “như một chú cá trê vừa dớp phải con môi lớn có mắc lưỡi câu sắc” (19). Johnson xem việc những người cộng sản chiến thắng ở miền Nam Việt Nam là một bước để họ đạt được mục tiêu phá vỡ chính sách ngăn chặn của Mỹ và “việc mất Việt Nam ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Mỹ và là điều không thể chấp nhận được đối với công chúng Mỹ” (20). Do đó, Johnson nhấn mạnh với các cố vấn rằng “ông muốn giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh này” (21).

Ngày 26-11-1963, Tổng thống Johnson thông qua Bị vong lục Hành động An ninh Quốc gia số 273 (NSAM 273). NSAM 273 là một đảm bảo cho sự ủng hộ của Mỹ đối với VNCH nói riêng và đối với các đồng minh của Mỹ nói chung trong cuộc chiến chống lại sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản xuống vùng Đông Nam Á. So với Kennedy, Tổng thống Johnson tỏ ra dứt khoát và cứng rắn hơn đối với vấn đề Nam Việt Nam. Có thể nói, NSAM 273 đã “đưa đến một sự thay đổi của chính phủ Mỹ đối với cuộc chiến ở Việt Nam” vì nó gần như đi ngược lại với NSAM 263. Từ đây, Mỹ phải bằng mọi giá giúp chính quyền Sài Gòn thắng lợi trong cuộc chiến chống lại phong trào cách mạng miền Nam mà Mỹ cho rằng có sự chỉ đạo của Việt Nam Dân chủ cộng

hòa và sự giúp đỡ, viện trợ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Ngày 22-1-1964, các Tham mưu trưởng liên quân quả quyết rằng “để giành thắng lợi, Mỹ phải sẵn sàng gạt sang một bên những áp đặt đang hạn chế cố gắng của chúng ta, và phải có những hành động táo bạo hơn dù có thể có những rủi ro lớn hơn” (22). Hành động táo bạo hơn là chỉ việc tăng cường lực lượng quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam. Như vậy, Tổng thống Johnson vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược “chiến tranh Đặc biệt” nhưng tăng cường hơn về cường độ đưa quân sang miền Nam và mở rộng quy mô chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam.

Ngày 14-2-1964, Tổng thống Johnson thông qua Bị vong lục - NSAM 280 và quyết định thành lập Ủy ban Quản lý chính sách và hoạt động của Mỹ ở miền Nam Việt Nam do William Sullivan làm Chủ tịch nhằm nghiên cứu tìm ra một hành động linh hoạt và thống nhất trong việc giải quyết những khó khăn mà Mỹ đang đối mặt. Tháng 4-1964, Đại sứ C.Lodge tại Sài Gòn nhận lệnh rằng “phải chuẩn bị mọi thứ cần thiết để giúp Nam Việt Nam tiến hành công việc và Tổng thống cam đoan sẽ hành động ngay tức khắc để xóa bỏ những trở ngại hoặc hạn chế dù chúng xuất hiện ở đâu” (23). Thông báo này là sự quyết tâm của Tổng thống để giải quyết vấn đề Việt Nam.

Đến cuối năm 1964, tình hình chính trị và quân sự ở miền Nam Việt Nam xấu đi nhanh chóng, chính quyền Sài Gòn đang mất dần sự kiểm soát đối với các khu vực chiếm đóng và đứng trước nguy cơ bị thất bại. Ngày 27-1-1965, McNamara và cố vấn quốc gia Mc.G. Bundy gửi Johnson báo cáo và nhấn mạnh rằng: “kế hoạch hành động kém hiệu quả nhất là tiếp tục duy trì vai trò rất thụ động hiện nay mà cuối cùng chỉ dẫn đến thất bại và hãy thoát ra khỏi tình

cảnh nhục nhã này” và đề nghị “sử dụng sức mạnh quân sự của chúng ta ở Viễn Đông và buộc cộng sản phải thay đổi chính sách của họ” (24). Bản báo cáo này của McBundy và McNamara đã xóa tan sự lưỡng lự trong việc đề ra chính sách mới cho Việt Nam. Quan điểm này là sự mở đầu cho quá trình can thiệp quân sự trực tiếp của Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Ngày 8-3-1965, hai tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 9, Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến của Mỹ đã đổ bộ vào Đà Nẵng để bảo đảm an ninh cho sân bay cùng với các cơ sở và tiện nghi yểm trợ của Mỹ. Sự kiện này đánh dấu quá trình “can thiệp trực tiếp” của quân đội Mỹ vào Việt Nam và mở đầu chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ tại miền Nam Việt Nam.

Thứ hai, Mỹ phải mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc Việt Nam. Các kế hoạch bí mật tấn công phá hoại miền Bắc Việt Nam đã được định hình và thực hiện từ rất sớm. Từ tháng 2-1961, toán lính biệt kích đầu tiên (do CIA huấn luyện) mang mật danh Ares đã mang theo máy truyền tin và xâm nhập vào miền Bắc Việt Nam một cách “an toàn”. McNamara cũng cho rằng “các kế hoạch hoạt động bí mật ở Bắc Việt Nam đã được chuẩn bị tốt. Các kế hoạch này đã đề ra rất nhiều hoạt động phá hoại và hoạt động tâm lý chống lại miền Bắc Việt Nam”. Tuy nhiên, các cuộc thâm nhập lén lút của biệt kích vào miền Bắc Việt Nam chưa mang lại hiệu quả. Sau Ấp Bắc, hoạt động mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam để ngăn chặn sự chi viện sức người, sức của miền Bắc cho QGPMN càng mạnh mẽ hơn.

Ngày 15-12-1963, Kế hoạch Tác chiến 34A (OPLAN 34A) được soạn thảo và được Tổng thống Johnson phê chuẩn ngày 24-1-1964. Ngày 1-2-1964, Kế hoạch Tác chiến 34A được triển khai do Nhóm tác chiến đặc biệt (SOG - *Special Operation Group*) thực

hiện. Hoạt động của SOG được chia làm 4 nhóm: nhóm biệt kích dù (vận chuyển bằng đường không); nhóm yểm trợ đường không; nhóm biệt hải (vận chuyển bằng đường biển) và nhóm tâm lý chiến (25). Mục tiêu quan trọng của OPLAN 34A là “phá hoại vật chất, gây thiệt hại về kinh tế và quấy rối”. OLAN 34A được duyệt gồm hai loại hình hoạt động:

1- Dùng tàu thuyền và máy bay tung điệp viên người miền Nam Việt Nam được trang bị máy vô tuyến điện vào miền Bắc để phá hoại và thu thập tin tức tình báo.

2- Cho tàu tuần tra tốc độ cao do người miền Nam hoặc lính đánh thuê nước ngoài điều khiển, tiến hành các cuộc tập kích ven bờ biển miền Bắc và đánh phá các căn cứ trên đảo (26).

Song song với các hoạt động trên bộ, Mỹ còn triển khai kế hoạch kiểm soát biên giới trên biển đối với VNDCCH bằng các cuộc tuần tra với mật danh DESOTO hay còn gọi là Kế hoạch Tác chiến 37 (OPLAN 37). Trong Bị vong lục gửi Tổng thống Johnson ngày 7-1-1964, McBundy đã nêu lên một Kế hoạch cho các hoạt động bí mật chống lại miền Bắc Việt Nam như sau:

1- Mở rộng việc thu thập thông tin tình báo bằng máy bay chiến lược U-2.

2- Tăng cường các hoạt động phá hoại ở miền Bắc Việt Nam bằng lực lượng của VNCH (27).

Tháng 1-1964, kế hoạch tấn công bí mật trên biển được Mỹ thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban cố vấn Hải quân Mỹ (AND). Mục tiêu chính của DESOTO là “xác định tất cả radar ven biển, giám sát con đường viện trợ, xâm nhập của VNDCCH cho Việt cộng ở miền Nam” (28) dọc theo bờ biển Bắc Bộ. Theo kế hoạch DESOTO, Mỹ dùng tàu hải quân tuần tra ở Vịnh Bắc Bộ nhằm thu thập thông tin về

hệ thống radar của miền Bắc Việt Nam, thu thập thông tin của tình báo quân đội, và tiến hành một cuộc “biểu dương lực lượng” (29). Đồng thời, OPLAN 37 cũng hỗ trợ cho OPLAN 34A, khiêu khích Hải quân miền Bắc Việt Nam. Phạm vi hoạt động của DESOTO từ vĩ tuyến 17 ra đến vĩ tuyến 21, trong vòng bán kính 30 dặm dọc theo bờ biển. Ngày 17-3-1964, trong Bị vong lục NSAM 288, Mỹ muốn cho VNDCCH biết rằng “họ phải trả giá đắt nếu tiếp tục can thiệp vào miền Nam Việt Nam” (30). Ngày 4 và 5-8-1964, Mỹ đã dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ khi cho rằng hai tàu khu trục Maddox và Turner Joy đang hoạt động trên vùng biển cách bờ biển miền Bắc Việt Nam 100km thì bất ngờ bị tấn công. Ngay lập tức, Tổng thống Johnson cho rằng “những hành động mới nhất của Bắc Việt đã đưa ra một sự thay đổi nghiêm trọng đối với tình hình ở Đông Nam Á và khẳng định rằng tất cả các cuộc tấn công như vậy sẽ được đáp trả, Mỹ sẽ tiếp tục hỗ trợ các quốc gia tự do của khu vực Đông Nam Á để bảo vệ họ” (31). Tổng thống Johnson và các cố vấn đều nhất trí rằng Mỹ phải nhanh chóng quyết định thực hiện “một trận ném bom trả đũa chớp nhoáng nhưng kiên quyết” nhằm vào các căn cứ của các tàu phóng ngư lôi của miền Bắc Việt Nam. Ngày 10-9-1964, Tổng thống Johnson thông qua NSAM 314 và cho phép Hải quân Mỹ tiếp tục các hoạt động tuần tiểu DESOTO trong Vịnh Bắc Bộ, các hoạt động biệt kích phá hoại miền Bắc Việt Nam. Những hoạt động song song của Mỹ ở cả hai miền Nam - Bắc của Việt Nam nhằm ngăn chặn sự chi viện của Chính phủ VNDCCH cho cách mạng miền Nam. Thế nhưng, bất chấp những hoạt động xâm nhập lên lút, phá hoại của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, VNDCCH vẫn tiếp tục tăng cường chi viện cho QGPMN. Do đó, ngày

15-2-1965, Tổng thống Johnson chính thức cho phép chương trình ném bom kéo dài với mật danh Sấm Rền và xem “đó là giải pháp duy nhất để nâng cao tinh thần chiến đấu của quân đội Sài Gòn” (32). Ngày 2-3-1965, chiến dịch Sấm Rền đã bắt đầu và kéo dài trong ba năm. Khối lượng bom Mỹ thả ở Việt Nam đã lớn hơn số bom đã thả ở toàn châu Âu trong Chiến tranh thế giới thứ Hai (33). Như vậy, Mỹ phải tiến dần đến quá trình mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Từ đây, nhân dân Việt Nam phải chống lại một cuộc “chiến tranh kép” (vừa trên bộ, trên biển, trên không, vừa ở cả hai miền Nam Bắc) để chống lại âm mưu của Mỹ.

Thứ ba, chiến thắng Ấp Bắc buộc Mỹ phải “tìm một giải pháp chính trị phù hợp” đối với chính quyền Sài Gòn. Sau khi xảy ra thất bại tại Ấp Bắc, John Paul Vann đã buộc tội những người lính Việt Nam cộng hòa là sự bất tài và hèn nhát (34). Đặc biệt, John Vann đã thẳng thắn thừa nhận những bất đồng trong việc phối hợp tác chiến giữa các lực lượng, giữa cố vấn Mỹ - John Vann và chỉ huy quân đội Sài Gòn là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thất bại trong cuộc tiến công vào Ấp Bắc. Do đó, chính phủ Mỹ phải có những điều chỉnh trong chính sách xâm lược Việt Nam. Các nhà khoa học Mỹ thừa nhận rằng “trận Ấp Bắc là một trong nhiều lý do khiến Mỹ mất lòng tin vào sự lãnh đạo của Tổng thống Ngô Đình Diệm, khuyến khích ông bị lật đổ vào năm 1963 và dẫn đến việc điều một số lượng lớn lực lượng chiến đấu của Mỹ đến miền Nam Việt Nam bắt đầu từ năm 1965” (35). Hệ quả, Ngô Đình Diệm bị lật đổ (1-11-1963) và Mỹ liên tiếp có những điều chỉnh trong việc tìm “giải pháp chính trị phù hợp” ở miền Nam Việt Nam.

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Hội đồng Quân nhân cách mạng (HQNCM) được thành lập do Dương Văn Minh đứng

đầu đã củng cố lại bộ máy chính quyền và tiến hành những hoạt động quân sự tại miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, HQNCM cũng chẳng làm được gì nhiều để chặn đứng sự suy sụp này. Họ thiếu kinh nghiệm, không xây dựng được cương lĩnh và không giành được sự ủng hộ của các tổ chức chống Ngô Đình Diệm trước đây. Ngoài ra, Tư lệnh MACV - Paul Harkins, còn lo ngại “những cố gắng của nhóm tướng lĩnh sẽ hạn chế vai trò của cố vấn Mỹ” (36). Tháng 12-1963, giới lãnh đạo Mỹ kết luận rằng “ngay cả chính quyền mới ở Nam Việt Nam cũng không đủ sức kiểm soát tình hình” (37). Đến lúc này, Mỹ đã phần nào nhận thấy sự sai lầm khi để cho nhóm tướng lĩnh đảo chính và giết chết Ngô Đình Diệm. Nếu Mỹ rút khỏi Việt Nam thì sẽ làm cho chính quyền Sài Gòn sụp đổ, toàn bộ Đông Nam Á rơi vào tay cộng sản và còn “kéo theo một cuộc tranh chấp phân hóa tai hại trong nội bộ nước Mỹ về việc ai đã để mất Việt Nam” (38). Vì vậy, Tổng thống Johnson phải xem xét lại tình hình và tìm giải pháp phù hợp cho Việt Nam. Mỹ đã chọn giải pháp “lật đổ nhóm tướng lĩnh quân sự” (tức HQNCM) đang cầm quyền.

Dưới sự chỉ đạo của Paul Harkins, tướng Nguyễn Khánh - Tư lệnh Quân đoàn I, cầm đầu cuộc đảo chính lần thứ hai, lật đổ nhóm tướng lĩnh. Nguyễn Khánh tự xưng là Chủ tịch HQNCM, kiêm Tổng Tư lệnh quân đội. Mỹ công khai ủng hộ Nguyễn Khánh và thông báo riêng cho phái bộ Mỹ tại Sài Gòn “làm mọi việc có thể làm để tránh những cuộc đảo chính tiếp theo” (39). Nguyễn Khánh được Mỹ xem là người có năng lực nhất miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Nhận định về sự điều chỉnh trong chính sách của Mỹ, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam cho rằng “Mỹ phải “thay ngựa giữa dòng” lần thứ hai vì từ sau khi lật đổ Ngô Đình Diệm, không những chúng

(Mỹ) không thể giành được thắng lợi như chúng mong muốn, mà trái lại, chúng đã bị thất bại nặng nề hơn. Mục đích của Mỹ là để cứu vãn tình thế, tạo điều kiện tăng cường can thiệp sâu hơn nữa vào miền Nam Việt Nam và hòng đẩy mạnh cuộc chiến tranh chống nhân dân miền Nam Việt Nam ác liệt hơn (40). Dù dưới góc độ nào, chiến thắng Ấp Bắc của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải chỉ đạo thực hiện các cuộc đảo chính liên tục tại miền Nam Việt Nam.

3. Kết luận

Ngày 2-1-1963, quân dân miền Nam với lực lượng ít hơn nhiều lần đã đánh bại cuộc tấn công của quân đội Sài Gòn, do cố vấn Mỹ chỉ huy tại Ấp Bắc (Mỹ Tho). Chiến thắng Ấp Bắc đã tạo ra bước ngoặt quan trọng đối với cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam và tác động mạnh mẽ, buộc Mỹ phải có những điều chỉnh quan trọng trong chính sách đối với cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Về mặt chính trị, chiến thắng Ấp Bắc đã buộc Mỹ phải liên tục có những điều chỉnh

trong việc tìm một “giải pháp chính trị phù hợp” ở miền Nam Việt Nam. Sau khi Ngô Đình Diệm và Kennedy bị ám sát, Tổng thống Johnson đã phải liên tiếp hai lần “thay ngựa giữa dòng” để cứu nguy cho sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn.

Về mặt quân sự, chiến thắng Ấp Bắc mở đầu quá trình thất bại chiến lược “chiến tranh Đặc biệt” của Kennedy, buộc Tổng thống Johnson phải tiếp tục thực hiện “chiến tranh Đặc biệt tăng cường” và tiến tới thực hiện chiến lược “chiến tranh Cục bộ” ở miền Nam Việt Nam. Đồng thời, Tổng thống Johnson tiếp tục mở rộng chiến tranh xâm lược ra miền Bắc Việt Nam. Johnson đã tiến hành cuộc “chiến tranh kép” ở Việt Nam để hi vọng giành được thắng lợi cần thiết. Quyết định “Mỹ hóa chiến tranh Việt Nam” của Tổng thống Johnson đã đẩy hơn nửa triệu lính Mỹ và quân đội các nước đồng minh của Mỹ vào cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài ở Việt Nam cho đến khi thất bại và phải rút quân đội về nước năm 1973.

CHÚ THÍCH

(1). Michael Maclear, *Việt Nam cuộc chiến mười nghìn ngày*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990, tr.21.

(2). Trần Bá Khoa, *Tìm hiểu những thay đổi lớn trong chiến lược quân sự của Mỹ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.35.

(3), (8), (22). Neil Sheehan, H.Smith, E.W.Kenworthy, and F.Butterfield, *The Pentagon Papers as Published by the New York Times*. New York: Bantam Books, 1971, pp.81, 71, 274.

(4), (7). Douglas C. Dacy, *Foreign Aid, War, and Economic Development. South Vietnam, 1955-1975*, Table 10.2, Cambridge University Press, 1986, p.200.

(5). William J.Duiker, *U.S. Containment Policy and the Conflict in Indochina*. Stanford University Press, Stanford California, 1994, p.256.

(6). McGeorge Bundy, “National Security Action Memorandum No. 52,” May 11, 1961, *Foreign Relations of the United States, 1961-1963*, Volume I, Vietnam, 1961 (Washington, D.C.: United States Government Printing Office), 1988, pp.132-34.

(9). Marvin E. Gettleman, *Vietnam and America*. Grove Press, New York, 1995, p.161.

(10), (13). Dnewbold (25-7-2006), *The battle at Ap Bac changed America's view of the Vietnam war*, nguồn: <https://www.historynet.com/the->

battle-at-ap-bac-changed-americas-view-of-the-vietnam-war/.

(11). Ngô Quốc Tuấn (20-11-2014), *Chiến thắng Ấp Bắc - trận đầu đánh bại “trục thăng vận”, “thiết xa vận” của Mỹ-ngụy*. nguồn: <https://www.qdnd.vn/ho-so-su-kien/70-nam-quan-doi-nhan-dan-viet-nam-anh-hung/chien-thang-ap-bac-tran-dau-danh-bai-truc-thang-van-thiet-xa-van-cua-my-nguy-261515>.

(12) Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 - 1975*, tập III: Đánh thắng chiến tranh đặc biệt, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.235.

(14), (35). *Battle Of Ap Bac January 2, 1963*, nguồn: https://www.vietnamwar50th.com/1945-1964_the_road_to_war/Battle-Of-Ap-Bac/#skltbs-demo1.

(15). Arthur M. Schlesinger, Jr, *A Thousand Days: John F. Kennedy in the White House*, A Fawcett Crest Book, New York, 1967, p.505.

(16). Kennedy Library, *National Security Files, Meetings and Memoranda Series, NSC Meeting No. 519*. Top Secret. This meeting took place in the Cabinet Room of the White House and lasted until 6:30 p.m.

(17). MCGeorge Bundy (5-10-1963), *National Security Action Memorandum No. 263*. source: <https://irp.fas.org/offdocs/nsam-jfk/nsam-263.htm>.

(18). Mark K. Updegrave (2007). “Lyndon Johnson’s Vietnam,” *The New York Times*, 24-02-2017, Dương Thị Thùy Trang biên dịch, nguồn: <http://nghiencuuquocte.org/2017/04/04/tai-sao-johnson-dua-lun-sau-vao-chien-tranh-viet-nam/>.

(19), (23), (30), (36), (39). George Herring, *America’s Longest War: The United States and Vietnam, 1950-1975*, Third Edition, McGraw-Hill, Inc, 1996, p.122, 130, 131, 124, 130.

(20). Frances Fitzgerald, *Lửa trong lòng hồ*, Lê Sỹ Giảng, Nguyễn Nam Sơn dịch, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.393.

(21), (24), (26). Robert S.McNamara, *Nhìn lại quá khứ, Tám thăm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.112-113, 169, 138.

(25). Sedgwick Tourison, *Đội quân bí mật, cuộc chiến bí mật*, Nhóm dịch Thiên Bảo, Nxb.Công an Nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.214.

(27). John P.Glennon (General Editor), *Foreign Relations of the United States, 1964-1968, Volume I, Vietnam 1964*, United States Government Printing Office, Washington, 1992, p.4.

(28). *The Truth About Tonkin*, source: <http://www.usni.org/magazines/naavalhistory/2008-02/truth-about-tonkin>.

(29). Sanford Wexler, *The Vietnam War: An Eyewitness History*, Facts on File, New York, 1992, p.80.

(31). *The Tonkin Gulf Incident, 1964*, source: http://avalon.law.yale.edu/20th_century/tonkin-g.asp.

(32). Tuồng Hữu, *Sự thật về cuộc chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.199.

(33). Robert S.McNamara, *Nhìn lại quá khứ, Tám thăm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.178.

(34). *Vietnam: Kennedy, Diem and the Battle of Ap Bac, January 2, 1963*. Source: <https://parallelnarratives.com/vietnam-battle-of-ap-bac-january-2-1963/>

(37). Bogaturo Aleksey Demofenovich, Averkov Viktor Viktorovich, *Lịch sử Quan hệ quốc tế*, Đặng Quang Chung, Lê Đức Mẫn dịch, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.327.

(38). H.Y.Schandler. *Sự nghiệp của một tổng thống bị đổ vỡ: L.Johnson và Việt Nam*, Nguyễn Mạnh Hà dịch, Nxb.Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.62-63.

(40). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 25, năm 1964, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.50.